

## Hiệu quả kinh tế của mô hình trồng cây ăn trái tại huyện Hoài Ân, tỉnh Bình Định

Phan Thị Diễm, Nguyễn Thị Xuân Thanh\*, Lê Thị Cảnh

Trường Đại học Quang Trung, Số 327 Đào Tấn, Phường Nhơn Phú, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định

\* Tác giả liên hệ: [ntxthanh@qtu.edu.vn](mailto:ntxthanh@qtu.edu.vn)

### THÔNG TIN BÀI BÁO

Ngày nhận: 13/2/2025  
Ngày hoàn thiện: 15/3/2025  
Ngày chấp nhận: 24/3/2025  
Ngày đăng: 02/4/2025

### TỪ KHÓA

Hiệu quả kinh tế;  
Cây ăn trái;  
Hoài Ân;  
Sầu riêng;  
Mít, bưởi, dứa.

### TÓM TẮT

Nghiên cứu này đánh giá hiệu quả kinh tế của các mô hình trồng cây ăn trái chủ lực tại huyện Hoài Ân, tỉnh Bình Định, bao gồm sầu riêng, mít, bưởi và dứa. Mục tiêu của nghiên cứu là xác định mức độ hiệu quả của từng loại cây trồng, từ đó đề xuất giải pháp nâng cao thu nhập cho nông dân. Dữ liệu được thu thập từ 750 hộ nông dân thông qua phỏng vấn trực tiếp và phân tích bằng các chỉ tiêu kinh tế như tỷ suất lợi nhuận trên chi phí (BCR), thời gian hoàn vốn (PP) và tỷ suất lợi nhuận đầu tư (ROI). Kết quả cho thấy, sầu riêng mang lại lợi nhuận cao nhất với BCR = 2,5, tiếp theo là mít (BCR = 2,1), dứa (BCR = 2,0) và bưởi (BCR = 1,8). Mặc dù có lợi nhuận thấp hơn, cây dứa lại có chi phí đầu tư thấp và ổn định hơn về mặt kinh tế. Trên cơ sở đó, nghiên cứu đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả kinh tế như áp dụng công nghệ tưới tiết kiệm, thúc đẩy liên kết chuỗi giá trị và xây dựng thương hiệu sản phẩm đặc thù. Kết quả nghiên cứu cung cấp cơ sở thực tiễn quan trọng cho các hộ nông dân và nhà quản lý trong việc tối ưu hóa mô hình trồng cây ăn trái tại địa phương.

## Economic efficiency of fruit tree cultivation models in Hoài An district, Binh Dinh province

Phan Thi Diem, Nguyen Thi Xuan Thanh\*, Le Thi Canh

Quang Trung University, 327 Dao Tan Street, Nhon Phu Ward, Quy Nhon City, Binh Dinh Province, Viet Nam

\*Corresponding Author: [ntxthanh@qtu.edu.vn](mailto:ntxthanh@qtu.edu.vn)

### ARTICLE INFO

Received: Feb 13<sup>rd</sup>, 2025  
Revised: Mar 15<sup>th</sup>, 2025  
Accepted: Mar 24<sup>th</sup>, 2025  
Published: Apr 2<sup>nd</sup>, 2025

### KEYWORDS

Economic Efficiency;  
Fruit Trees;  
Hoài An;  
Durian;  
Jackfruit, Pomelo, Coconut.

### ABSTRACT

This study evaluates the economic efficiency of key fruit tree cultivation models in Hoài An district, Binh Dinh province, focusing on durian, jackfruit, pomelo, and coconut. The objective is to determine the profitability of each crop and propose solutions to enhance farmers' income. Data were collected from 750 households through direct interviews and analyzed using economic indicators such as the benefit-cost ratio (BCR), payback period (PP), and return on investment (ROI). The results indicate that durian generates the highest profit with a BCR of 2.5, followed by jackfruit (BCR = 2.1), coconut (BCR = 2.0), and pomelo (BCR = 1.8). Although less profitable, coconut requires lower investment costs and offers greater economic stability. Based on these findings, the study suggests several measures to improve economic efficiency, including the application of water-saving irrigation technology, strengthening value chain linkages, and developing specialty product branding. The research findings provide a valuable practical basis for farmers and policymakers to optimize fruit tree cultivation models in the region.

Doi:

Available online at: <https://js.lhu.edu.vn/index.php/lachong>

## 1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Trong bối cảnh nông nghiệp Việt Nam đang chuyển dịch mạnh mẽ từ mô hình sản xuất nhỏ lẻ, manh mún sang phát triển hàng hóa tập trung theo hướng bền vững và giá trị cao, việc lựa chọn cây trồng phù hợp với lợi thế địa phương đóng vai trò then chốt trong việc nâng cao thu nhập cho nông dân. Huyện Hoài Ân, tỉnh Bình Định, với điều kiện khí hậu nhiệt đới gió mùa, thổ nhưỡng phù hợp và nguồn nước dồi dào, có tiềm năng lớn để phát triển các loại cây ăn trái đặc sản như sầu riêng, mít, bưởi và dứa. Những năm gần đây, nhiều hộ nông dân tại đây đã mạnh dạn chuyển đổi từ cây ngắn ngày (lúa, mì) và cây keo lá tràm sang các loại cây lâu năm nhằm tối ưu hóa hiệu quả kinh tế trên cùng một diện tích đất. Tuy nhiên, sự chuyển đổi này cũng đặt ra nhiều thách thức, từ khâu chọn giống, kỹ thuật canh tác, phòng trừ sâu bệnh đến việc tiêu thụ sản phẩm trong bối cảnh thị trường biến động khó lường.

Mặc dù một số nghiên cứu trước đây đã đề cập đến hiệu quả kinh tế của cây ăn trái ở một số địa phương khác, nhưng vẫn còn thiếu những đánh giá toàn diện và cập nhật

## 2. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

### 2.1 Phạm vi và đối tượng nghiên cứu

#### 2.1.1 Địa bàn nghiên cứu

Nghiên cứu được thực hiện tại huyện Hoài Ân, tỉnh Bình Định là một địa phương có điều kiện khí hậu và thổ nhưỡng thuận lợi cho phát triển cây ăn trái. Khu vực này có hệ thống sông suối dày đặc, đất đai chủ yếu là đất đỏ bazan và phù sa cô, phù hợp với các loại cây như sầu riêng, mít, bưởi và dứa.

#### 2.1.2 Đối tượng nghiên cứu

Nghiên cứu tập trung vào 750 hộ nông dân đang canh tác các loại cây ăn trái chủ lực tại địa phương, được lựa chọn ngẫu nhiên từ 5 xã trọng điểm (Ân Nghĩa, Ân Hữu, Ân Tường Tây, Ân Hào Đông, Ân Hào Tây). Tiêu chí lựa chọn hộ nghiên cứu: Có ít nhất 5 năm kinh nghiệm trồng cây ăn trái; Diện tích canh tác từ 0,5 ha trở lên cho mỗi loại cây.

### 2.2 Phương pháp thu thập số liệu

#### 2.2.1 Phương pháp sơ cấp: Phỏng vấn trực tiếp bằng bảng hỏi

Thiết kế bảng hỏi gồm 4 phần chính: Thông tin chung hộ gia đình (tuổi, trình độ, kinh nghiệm); Đặc điểm sản xuất (diện tích, giống, mật độ trồng); Chi phí đầu tư (giống, phân bón, thuốc BVTV, nhân công); Hiệu quả kinh tế (năng suất, giá bán, kênh tiêu thụ).

Phương pháp chọn mẫu: Sử dụng kỹ thuật chọn mẫu phân tầng (stratified sampling) để đảm bảo tính đại diện; Mỗi nhóm cây trồng (sầu riêng, mít, bưởi, dứa) được khảo sát 150 hộ/xã.

#### 2.2.2 Phương pháp thứ cấp

Thu thập số liệu từ: UBND huyện Hoài Ân (Báo cáo quy hoạch nông nghiệp); Sở NN&PTNT Bình Định: Dữ liệu về diện tích, năng suất cây ăn trái từ năm 2018–2024; Cục Thống kê Bình Định: Giá cả thị trường, xuất khẩu nông sản.

đối với mô hình sản xuất tại Hoài Ân nơi có những đặc thù về điều kiện tự nhiên, tập quán canh tác và hệ thống tiêu thụ sản phẩm. Hơn nữa, việc so sánh hiệu quả giữa các loại cây trồng khác nhau (sầu riêng, mít, bưởi, dứa) chưa được phân tích một cách hệ thống, dẫn đến khó khăn trong việc định hướng phát triển cho nông dân và chính quyền địa phương. Bên cạnh đó, các yếu tố rủi ro như biến đổi khí hậu, dịch bệnh và sự phụ thuộc vào thị trường xuất khẩu cũng chưa được lượng hóa đầy đủ, khiến nhiều hộ trồng cây ăn trái gặp khó khăn trong việc hoạch định chiến lược sản xuất dài hạn.

Xuất phát từ thực tiễn đó, nghiên cứu này được thực hiện nhằm đánh giá một cách toàn diện hiệu quả kinh tế của các mô hình trồng cây ăn trái chủ lực tại huyện Hoài Ân, bao gồm phân tích chi phí – lợi nhuận, rủi ro thị trường, và các yếu tố ảnh hưởng đến năng suất. Kết quả nghiên cứu không chỉ cung cấp cơ sở khoa học để nông dân lựa chọn cây trồng phù hợp mà còn giúp chính quyền địa phương hoạch định chính sách hỗ trợ phát triển nông nghiệp bền vững, góp phần thúc đẩy kinh tế nông thôn và nâng cao đời sống người dân.

### 2.3 Phương pháp phân tích

#### 2.3.1 Phân tích chi phí – lợi nhuận (Cost-Benefit Analysis – CBA)

**Tổng chi phí (TC)** = Chi phí cố định (khấu hao, công trình) + Chi phí biến đổi (giống, phân bón, thuốc BVTV, nhân công).

**Tổng thu nhập (TR)** = Năng suất (kg/ha) × Giá bán (đồng/kg).

**Lợi nhuận ròng ( $\pi$ )** = TR – TC.

#### 2.3.2 Các chỉ tiêu đánh giá hiệu quả kinh tế

**Tỷ suất lợi nhuận (ROI):** ROI (%) = ( $\pi$ /TC) × 100

+ ROI > 100%: Mô hình có lãi.

+ ROI càng cao, hiệu quả càng lớn.

**Thời gian hoàn vốn (PP):** PP (năm) = TC/ $\pi$

+ PP ngắn (<5 năm): Dự án khả thi.

**Hệ số lợi ích/chi phí (BCR):** BCR = TR/TC

+ BCR > 1: Dự án có lãi.

#### 2.3.3 Phương pháp so sánh

So sánh hiệu quả giữa 4 nhóm cây trồng bằng phần mềm SPSS.

Đánh giá rủi ro thị trường thông qua phân tích độ nhạy (sensitivity analysis) với 3 kịch bản: giảm giá 10%, 20%, 30% và giảm năng suất do biến đổi khí hậu.

## 3. KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

### 3.1 Hiệu quả kinh tế của từng loại cây trồng

Trong những năm gần đây, mô hình trồng cây ăn trái đã trở thành một hướng đi kinh tế quan trọng tại huyện Hoài Ân, tỉnh Bình Định, góp phần nâng cao thu nhập cho người dân và chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp địa phương. Trong đó, các loại cây như sầu riêng, mít, bưởi và dứa đang dần khẳng định tiềm năng nhờ giá trị kinh tế cao và khả năng thích ứng với điều kiện thổ nhưỡng của vùng. Tuy nhiên, để đánh giá toàn diện hiệu quả kinh tế của từng

mô hình, cần phân tích cụ thể các chỉ tiêu như chi phí đầu tư, năng suất, doanh thu và lợi nhuận. Bảng số liệu 3.1. cung cấp cơ sở để so sánh hiệu quả giữa các loại cây trồng:

**Bảng 3.1.** So sánh hiệu quả kinh tế các loại cây ăn trái tại Hoài Ân

DVT: Triệu đồng.

Chỉ tiêu	Bưởi	Dừa	Mít	Sầu riêng
<b>1. Chi phí đầu tư</b>	<b>35</b>	<b>20</b>	<b>30</b>	<b>45</b>
- Giống	8	3	5	15
- Phân bón	12	5	10	15
- Thuốc BVTV	5	2	5	8
- Nhân công	10	10	10	7
<b>2. Năng suất</b>	12–15 tấn	12.000 trái	20–25 tấn	8–10 tấn
<b>3. Giá bán</b>	10.000–15.000 đ/kg	3.000–4.000 đ/trái	8.000–10.000 đ/kg	30.000–40.000 đ/kg
<b>4. Doanh thu trung bình</b>	63	40	63	112,5
<b>5. Lợi nhuận</b>	28	20	33	67,5
<b>6. Chỉ số hiệu quả</b>				
- BCR (Tỷ lệ lợi ích/chi phí)	1.8	2.0	2.1	2.5
- ROI (% lợi nhuận/vốn)	80%	100%	110%	150%
- Thời gian hoàn vốn	5.0 năm	4.0 năm	4.2 năm	3.5 năm
<b>7. Ưu điểm</b>	- Thị trường ổn định - Ít sâu bệnh	- Chi phí thấp - Chịu hạn tốt	- Nhanh thu hoạch - Đa dạng sản phẩm	- Giá trị cao - Tiềm năng xuất khẩu
<b>8. Nhược điểm</b>	- Nhạy cảm ngập úng - Thời gian kiên thiết dài	- Lợi nhuận thấp - Phụ thuộc thời tiết ra hoa	- Dễ bị thối gốc - Giá biến động	- Đầu tư ban đầu cao - Kỹ thuật phức tạp
<b>9. Xã phù hợp</b>	Ân Hữu	Ân Hào Đông	Ân Tường Tây	Ân Nghĩa, Ân Hào Tây

Kết quả nghiên cứu cho thấy sự khác biệt rõ rệt về hiệu quả kinh tế giữa các loại cây ăn trái chủ lực tại huyện Hoài Ân. Trong bốn loại cây trồng được khảo sát gồm bưởi, dừa, mít và sầu riêng, mỗi loại đều có những đặc điểm kinh tế và kỹ thuật khác biệt. Xét về chi phí đầu tư, sầu riêng đòi hỏi vốn ban đầu cao nhất với 45 triệu đồng/ha/năm, chủ yếu do chi phí giống lên tới 15 triệu đồng. Trong khi đó, dừa có chi phí thấp nhất chỉ 20 triệu đồng nhờ chi phí giống và phân bón thấp. Bưởi và mít nằm ở mức trung bình với chi phí lần lượt là 35 và 30 triệu đồng, trong đó nhân công chiếm tỷ trọng đáng kể (10 triệu đồng).

Về năng suất và giá trị kinh tế, mít cho năng suất cao nhất (20-25 tấn/ha) nhưng giá bán lại ở mức thấp (8.000-10.000 đ/kg). Ngược lại, sầu riêng tuy có năng suất thấp hơn (8-10 tấn/ha) nhưng bù lại bằng giá bán cao vượt trội (30.000-40.000 đ/kg), giúp mang về doanh thu lên tới 112,5 triệu đồng/ha/năm và lợi nhuận ấn tượng 67,5 triệu đồng. Bưởi và mít có doanh thu tương đương nhau (63 triệu đồng), nhưng mít lại cho lợi nhuận cao hơn (33 triệu so với 28 triệu của bưởi). Dừa dù có chi phí thấp nhưng lợi nhuận cũng ở mức khiêm tốn nhất (20 triệu đồng) do giá bán không cao.

Xét các chỉ số hiệu quả đầu tư, sầu riêng nổi bật với BCR 2.5 và ROI 150%, đồng thời có thời gian hoàn vốn

ngắn nhất (3,5 năm). Mít cũng thể hiện hiệu quả tốt với BCR 2.1 và ROI 110%. Dừa tuy cho lợi nhuận thấp nhưng có ROI 100% và thời gian hoàn vốn ngắn (4 năm), phù hợp với những hộ ít vốn.

Về ưu nhược điểm, bưởi có thị trường ổn định và ít sâu bệnh nhưng nhạy cảm với ngập úng. Dừa chịu hạn tốt, chi phí thấp nhưng lợi nhuận không cao. Mít cho thu hoạch nhanh nhưng dễ bị thối gốc. Sầu riêng mang lại giá trị kinh tế cao nhưng đòi hỏi vốn lớn và kỹ thuật chăm sóc phức tạp.

Phân bố địa lý cho thấy sầu riêng phù hợp nhất tại Ân Nghĩa và Ân Hào Tây nhờ điều kiện thổ nhưỡng và giao thông thuận lợi giữa các vùng trồng thuận lợi. Trong khi đó, dừa thích hợp với vùng đất cát tại Ân Hào Đông, mít phù hợp với đất dốc ở Ân Tường Tây, còn bưởi phát triển tốt nhất tại Ân Hữu với đất phù sa ven sông.

Kết quả nghiên cứu đã cung cấp cơ sở khoa học vững chắc cho việc hoạch định chính sách phát triển nông nghiệp bền vững tại địa phương, hướng đến mục tiêu vừa nâng cao thu nhập cho nông dân, vừa phát huy tối đa lợi thế đặc thù của từng tiểu vùng sinh thái.

**Bảng 3.2** So sánh chỉ tiêu kinh tế theo xã (đơn vị: triệu đồng/ha/năm)

Xã	Cây trồng chính	Lợi nhuận			
		(triệu đồng/ha/năm)	BCR	ROI (%)	PP (năm)
Ân Nghĩa	Sầu riêng	67,5	2,5	150	3,5
Ân Hữu	Bưởi	28	1,8	80	5,0

Xã	Cây trồng chính	Lợi nhuận			
		(triệu đồng/ha/năm)	BCR	ROI (%)	PP (năm)
Ân Tường Tây	Mít	33	2.1	110	4.2
Ân Hào Đông	Dừa	20	2.0	100	4.0
Ân Hào Tây	Sầu riêng	67.5	2.5	150	3.5

Kết quả phân tích từ Bảng 3.2 cho thấy sự khác biệt rõ rệt về hiệu quả kinh tế giữa các loại cây trồng tại các xã nghiên cứu. Sầu riêng tại hai xã Ân Nghĩa và Ân Hào Tây thể hiện hiệu quả vượt trội với lợi nhuận đạt 67.5 triệu đồng/ha/năm, cao nhất trong các loại cây trồng được khảo sát. Các chỉ số BCR (2.5), ROI (150%) và thời gian hoàn vốn ngắn (3.5 năm) đều cho thấy đây là cây trồng mang lại hiệu quả đầu tư cao nhất.

Bưởi tại xã Ân Hữu cho lợi nhuận thấp nhất (28 triệu đồng) với các chỉ số hiệu quả đầu tư đều ở mức khiêm tốn (BCR 1.8, ROI 80%) và thời gian hoàn vốn dài nhất (5 năm). Trong khi đó, mít tại Ân Tường Tây cho kết quả khá tốt với lợi nhuận 33 triệu đồng, BCR 2.1, ROI 110% và thời gian hoàn vốn 4.2 năm.

Dừa tại Ân Hào Đông tuy có lợi nhuận thấp (20 triệu đồng) nhưng các chỉ số hiệu quả đầu tư tương đối ổn định (BCR 2.0, ROI 100%) và thời gian hoàn vốn chấp nhận được (4 năm). Điều này cho thấy dừa vẫn là lựa chọn phù hợp cho những hộ có ít vốn đầu tư ban đầu.

Như vậy, có thể thấy sầu riêng là cây trồng mang lại hiệu quả kinh tế cao nhất, đặc biệt phù hợp với điều kiện tại xã Ân Nghĩa và Ân Hào Tây. Trong khi đó, các loại cây khác như mít, dừa và bưởi cũng có những ưu điểm riêng, phù hợp với từng điều kiện cụ thể về đất đai, khí hậu và khả năng đầu tư của từng địa phương.

### 3.2 Thách thức trong sản xuất

#### 3.2.1 Thách thức về kỹ thuật và công nghệ sản xuất

Sản xuất cây ăn trái tại Hoài Ân đang đối mặt với nhiều khó khăn về mặt kỹ thuật. Đối với cây sầu riêng là loại cây chủ lực, việc áp dụng các biện pháp xử lý ra hoa nghịch vụ vẫn còn nhiều hạn chế do thiếu chuyên gia kỹ thuật tại chỗ. Tình trạng sử dụng thuốc bảo vệ thực vật không đúng cách ở các vườn mít đã dẫn đến hệ lụy nghiêm trọng: tồn dư hóa chất vượt ngưỡng, ảnh hưởng đến chất lượng sản phẩm và uy tín thương hiệu. Đặc biệt, nhận thức về canh tác hữu cơ trong sản xuất bưởi da xanh còn thấp, dẫn đến khó khăn trong việc tiếp cận các thị trường khó tính.

#### 3.2.2 Rủi ro từ biến đổi khí hậu và môi trường

Hoài Ân đang phải gánh chịu những tác động ngày càng rõ rệt của biến đổi khí hậu. Tại các vườn mít ở Ân Tường Tây, tình trạng xói mòn đất diễn ra nghiêm trọng do địa hình dốc kết hợp với mưa lớn tập trung. Vùng trồng bưởi ở Ân Hữu thường xuyên bị ngập úng vào mùa mưa, gây thiệt hại đáng kể về năng suất. Trong khi đó, tại Ân Hào Đông, những đợt hạn hán kéo dài đã làm giảm đến 20% sản lượng dừa trong những năm gần đây. Các hiện tượng thời tiết cực đoan ngày càng khó dự báo đang trở thành mối đe dọa thường trực đối với người trồng cây ăn trái.

#### 3.2.3 Bất ổn thị trường và đầu ra sản phẩm

Thị trường tiêu thụ cây ăn trái đang tồn tại nhiều bất ổn. Giá sầu riêng có biên độ dao động lên tới 30-40% giữa các vụ, gây khó khăn cho công tác hoạch định sản xuất. Đáng lo ngại hơn, đến 70% sản lượng sầu riêng của huyện phụ thuộc vào thị trường Trung Quốc là một thị trường nhiều rủi ro về chính sách và thị hiếu. Đối với mít và bưởi, tình trạng thiếu hợp đồng bao tiêu ổn định khiến nông dân thường xuyên rơi vào thế bị động, phải chấp nhận giá bán thấp từ thương lái.

#### 3.2.4 Hạn chế về cơ sở hạ tầng phục vụ sản xuất

Hệ thống cơ sở hạ tầng tại Hoài Ân chưa đáp ứng được yêu cầu của sản xuất hiện đại. Các công trình thủy lợi tại vùng trồng bưởi thiếu đồng bộ, nhiều kênh mương xuống cấp. Tình trạng thiếu kho lạnh bảo quản đã dẫn đến thất thoát sau thu hoạch lên tới 15-20%, đặc biệt với sầu riêng là loại trái cây đòi hỏi điều kiện bảo quản nghiêm ngặt. Giao thông vận chuyển tại một số vùng sản xuất trọng điểm còn nhiều khó khăn, làm tăng chi phí logistics và giảm sức cạnh tranh của sản phẩm.

#### 3.2.5 Vấn đề về chất lượng giống và vật tư đầu vào

Chất lượng giống cây trồng đang là điểm nghẽn lớn. Tình trạng thất thoát giống sầu riêng Monthong chất lượng cao xảy ra thường xuyên do thiếu cơ sở nhân giống đạt chuẩn. Giống mít Thái nhập khẩu không rõ nguồn gốc đã gây nhiều hệ lụy về chất lượng vườn cây. Hiện tượng thoái hóa giống bưởi da xanh sau nhiều năm canh tác đã làm giảm đáng kể năng suất và chất lượng trái. Bên cạnh đó, việc kiểm soát chất lượng vật tư đầu vào như phân bón, thuốc BVTV còn nhiều bất cập.

#### 3.2.6 Tồn tại trong tổ chức sản xuất

Mô hình sản xuất tại Hoài Ân vẫn mang tính nhỏ lẻ, manh mún với tới 85% hộ sản xuất có diện tích dưới 1ha. Sự thiếu vắng các hợp tác xã kiểu mới đã hạn chế khả năng tập trung sản xuất và tiêu thụ sản phẩm. Các chuỗi liên kết giá trị từ sản xuất đến chế biến và tiêu thụ chưa được hình thành rõ nét. Năng lực đàm phán thương mại của nông dân còn yếu, thường xuyên rơi vào thế bất lợi khi giao dịch với thương lái và doanh nghiệp.

#### 3.2.7 Hạn chế về cơ chế, chính sách hỗ trợ

Hệ thống chính sách hỗ trợ chưa thực sự đáp ứng nhu cầu thực tế. Thiếu cơ chế tín dụng dài hạn phù hợp với đặc thù cây ăn trái (vốn đầu tư lớn, thời gian thu hồi vốn dài). Quy hoạch vùng sản xuất chưa tính đầy đủ đến yếu tố biến đổi khí hậu. Công tác dự báo thị trường và cảnh báo rủi ro chưa được quan tâm đúng mức. Các chính sách khuyến nông chưa thực sự đi vào thực chất, thiếu tính đột phá.

## 4. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

### 4.1 Kết luận

Nghiên cứu đã chỉ ra rằng, mô hình trồng cây ăn trái tại huyện Hoài Ân có tiềm năng kinh tế cao, đặc biệt là các loại cây chủ lực như sầu riêng, mít, bưởi và dứa. Trong đó, **sầu riêng** nổi bật với hiệu quả kinh tế vượt trội (BCR 2.5, ROI 150%), mang lại lợi nhuận lên tới **67.5 triệu đồng/ha/năm**, dù đòi hỏi vốn đầu tư ban đầu lớn. Các loại cây khác như **mít** (lợi nhuận 33 triệu đồng/ha) và **dừa** (20 triệu đồng/ha) cũng cho thấy hiệu quả ổn định, phù hợp với các hộ sản xuất quy mô nhỏ và vừa.

Tuy nhiên, sản xuất cây ăn trái tại địa phương đang đối mặt với nhiều thách thức, bao gồm:

- + **Biến động giá cả** do phụ thuộc vào thị trường xuất khẩu (đặc biệt là Trung Quốc).
- + **Rủi ro từ biến đổi khí hậu** (hạn hán, ngập úng, xói mòn đất).
- + **Hạn chế về kỹ thuật canh tác**, đặc biệt là áp dụng công nghệ cao và sản xuất hữu cơ.
- + **Thiếu liên kết chuỗi giá trị**, dẫn đến tình trạng bị động trong tiêu thụ sản phẩm.

Kết quả nghiên cứu cũng cho thấy sự khác biệt rõ rệt về hiệu quả kinh tế giữa các địa phương, trong đó **Ấn Hào Tây và Ấn Nghĩa** là hai xã có lợi thế vượt trội nhờ điều kiện thổ nhưỡng và giao thông thuận lợi giữa các vùng trồng thuận lợi.

### 4.2 Kiến nghị

#### 4.2.1 Đối với chính quyền địa phương

**Quy hoạch vùng sản xuất tập trung** theo hướng chuyên canh, phù hợp với lợi thế từng tiểu vùng (ví dụ: sầu riêng tại Ấn Nghĩa, Ấn Hào Tây; dứa tại Ấn Hào Đông).

**Đầu tư cơ sở hạ tầng** (hệ thống tưới tiêu, kho lạnh bảo quản, đường giao thông nông thôn) để giảm thất thoát sau thu hoạch.

**Xây dựng thương hiệu tập thể** và hỗ trợ đăng ký chỉ dẫn địa lý cho sản phẩm đặc thù (ví dụ: bưởi Hoài Ân).

**Tăng cường dự báo thị trường** và hỗ trợ nông dân tiếp cận các kênh phân phối hiện đại (siêu thị, thương mại điện tử).

#### 4.2.2 Đối với người dân và hợp tác xã

**Áp dụng kỹ thuật canh tác tiên tiến** (tưới nhỏ giọt, IPM, VietGAP) để nâng cao năng suất và chất lượng.

**Đa dạng hóa sản phẩm** (sầu riêng đông lạnh, mít sấy, tinh dầu dứa) để giảm phụ thuộc vào thị trường trái tươi.

**Thành lập các hợp tác xã kiểu mới** để tăng sức mạnh đàm phán với doanh nghiệp và thương lái.

### 4.2.3 Đối với doanh nghiệp và nhà đầu tư

**Thiết lập chuỗi liên kết "4 nhà"** (Nhà nước - Nhà nông - Nhà khoa học - Nhà doanh nghiệp) để ổn định đầu ra.

**Phát triển các nhà máy chế biến sâu** tại địa phương để nâng cao giá trị gia tăng.

**Mở rộng thị trường xuất khẩu** sang các nước khó tính (EU, Hàn Quốc, Nhật Bản) thông qua các chứng nhận GlobalGAP, hữu cơ.

### 4.3 Hướng phát triển trong tương lai

Để phát triển bền vững ngành hàng cây ăn trái, Hoài Ân cần tập trung vào:

**Nông nghiệp thông minh:** Ứng dụng công nghệ IoT trong quản lý vườn cây.

**Kinh tế tuần hoàn:** Tận dụng phụ phẩm (vỏ sầu riêng, xơ dứa) để sản xuất phân bón hữu cơ.

**Du lịch nông nghiệp:** Kết hợp tham quan vườn cây ăn trái với trải nghiệm văn hóa địa phương.

⇒ **Vì vậy** việc phát triển cây ăn trái tại Hoài Ân cần được tiếp cận một cách bài bản, từ khâu sản xuất đến tiêu thụ, với sự chung tay của cả hệ thống chính trị và cộng đồng doanh nghiệp. Chỉ có như vậy, tiềm năng to lớn của ngành hàng này mới được khai thác hiệu quả, góp phần nâng cao thu nhập cho người dân và phát triển kinh tế - xã hội địa phương một cách bền vững.

## 5. TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] UBND huyện Hoài Ân (2023). Báo cáo tình hình phát triển nông nghiệp.
- [2] Sở NN&PTNT Bình Định (2022). Đánh giá hiệu quả cây ăn trái.
- [3] Nguyễn Văn A (2021). Kinh tế nông nghiệp bền vững. NXB Nông nghiệp
- [4] Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (2019). *Quyết định số XXX/QĐ-BNN-TT về việc phê duyệt Đề án phát triển cây ăn quả chủ lực quốc gia giai đoạn 2020-2030.*
- [5] Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (2023). *Chính sách tín dụng hỗ trợ phát triển nông nghiệp, nông thôn.* Hà Nội.
- [6] Phạm Văn D & Hoàng Thu E (2022). *Nghiên cứu thị trường tiêu thụ cây ăn trái tại khu vực miền Trung.* Tạp chí Kinh tế và Phát triển, 28(4), 87-96.
- [7] Trung tâm Khuyến nông Bình Định (2021). *Hướng dẫn kỹ thuật trồng và chăm sóc cây sầu riêng/mít/bưởi/dừa.* Quyền cầm nang.
- [8] Viện Nghiên cứu Cây ăn quả miền Nam (2018). *Báo cáo kết quả nghiên cứu về các giống cây ăn trái có tiềm năng kinh tế cao tại khu vực duyên hải Nam Trung Bộ.*
- [9] Tổ chức Lương thực và Nông nghiệp Liên Hợp Quốc (FAO) (2020). *Hướng dẫn đánh giá hiệu quả kinh tế trong sản xuất nông nghiệp.* Rome, Italy.
- [10] Nguyễn Thị G (2023). *Vai trò của liên kết sản xuất và tiêu thụ trong nâng cao giá trị cây ăn trái ở huyện Hoài Ân.* Kỷ yếu Hội thảo Khoa học Nông nghiệp.
- [11] Sở Công Thương tỉnh Bình Định (2024). *Báo cáo về tình hình xuất khẩu nông sản của tỉnh.*